

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-HĐND ngày 08/02/2021 của HĐND tỉnh về danh mục các nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2021; sau khi xem xét Tờ trình số 2836/TTr-STNMT ngày 22/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh mục thu hồi đất của 109 công trình, dự án với diện tích 410,4 ha, gồm: Đất nông nghiệp 264,88 ha; đất phi nông nghiệp 80,02 ha; đất chưa sử dụng 65,50 ha. Mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 246.690 triệu đồng, trong đó:

1.1. Các công trình, dự án đủ điều kiện gồm 64 công trình, dự án, với diện tích 295,73 ha, gồm: Đất nông nghiệp 185,54 ha; đất phi nông nghiệp 46,93 ha; đất chưa sử dụng 63,22 ha. Mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 220.070 triệu đồng, cụ thể:

- Thành phố Lai Châu: 15 công trình, dự án với diện tích 41,43 ha;
- Huyện Tam Đường: 19 công trình, dự án với diện tích 53,24 ha;
- Huyện Tân Uyên: 04 công trình, dự án với diện tích 5,05 ha;
- Huyện Than Uyên: 04 công trình, dự án với diện tích 53,54 ha;
- Huyện Phong Thổ: 02 công trình, dự án với diện tích 23,97 ha;
- Huyện Sìn Hồ: 07 công trình, dự án với diện tích 11,32 ha;
- Huyện Nậm Nhùn: 06 công trình, dự án với diện tích 12,78 ha;
- Huyện Mường Tè: 04 công trình, dự án với diện tích 36,19 ha;
- Dự án thuộc các huyện, thành phố: 03 công trình, dự án với diện tích 58,21 ha.

1.2. Các công trình, dự án đề xuất bổ sung gồm 45 công trình, dự án, với diện tích 114,71 ha, gồm: Đất nông nghiệp 79,34 ha; đất phi nông nghiệp 33,09 ha; đất chưa sử dụng 2,82 ha. Mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 26.620 triệu đồng, cụ thể:

- Thành phố Lai Châu: 05 công trình, dự án với diện tích 9,38 ha;
- Huyện Tam Đường: 02 công trình, dự án với diện tích 0,45 ha;
- Huyện Tân Uyên: 07 công trình, dự án với diện tích 3,53 ha;
- Huyện Than Uyên: 05 công trình, dự án với diện tích 1,38 ha;
- Huyện Phong Thổ: 11 công trình, dự án với diện tích 6,42 ha;
- Huyện Sìn Hồ: 05 công trình, dự án với diện tích 89,10 ha;
- Huyện Nậm Nhùn: 03 công trình, dự án với diện tích 0,45 ha;
- Huyện Mường Tè: 03 công trình, dự án với diện tích 0,88 ha;
- Dự án thuộc các huyện, thành phố: 04 công trình, dự án với diện tích 3,12 ha.

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo)

2. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của 65 công trình, dự án với diện tích 76,29 ha, gồm: Đất trồng lúa 46,42 ha, đất rừng phòng hộ 29,87 ha, trong đó:

2.1. Các công trình, dự án đủ điều kiện gồm 36 công trình, dự án với diện tích 42,00 ha, gồm: Đất trồng lúa 31,09 ha; đất rừng phòng hộ 10,91 ha, cụ thể:

- Thành phố Lai Châu: 09 công trình, dự án với diện tích 6,56 ha (*đất trồng lúa 1,86 ha, đất rừng phòng hộ 4,70 ha*);
- Huyện Tam Đường: 08 công trình, dự án với diện tích 7,00 ha (*đất trồng lúa 5,50 ha, đất rừng phòng hộ 1,50 ha*);
- Huyện Tân Uyên: 05 công trình, dự án với diện tích 2,76 ha (*đất trồng lúa 2,76 ha*);

- Huyện Than Uyên: 04 công trình, dự án với diện tích 11,84 ha (*đất trồng lúa 11,84 ha*);

- Huyện Sìn Hồ: 06 công trình, dự án với diện tích 10,28 ha (*đất trồng lúa 7,57 ha, đất rừng phòng hộ 2,71 ha*);

- Huyện Nậm Nhùn: 02 công trình, dự án với diện tích 2,80 ha (*đất trồng lúa 0,80 ha, đất rừng phòng hộ 2,00 ha*);

- Huyện Mường Tè: 01 công trình, dự án với diện tích 0,05 ha (*đất trồng lúa 0,05 ha*);

- Dự án thuộc các huyện, thành phố: 01 công trình, dự án với diện tích 0,71 ha (*đất trồng lúa 0,71 ha*).

1.2. Các công trình, dự án đề xuất bổ sung gồm 29 công trình, dự án với diện tích 34,29 ha, gồm: Đất trồng lúa 15,33 ha; đất rừng phòng hộ 18,96 ha, cụ thể:

- Thành phố Lai Châu: 03 công trình, dự án với diện tích 0,70 ha (*đất trồng lúa 0,70 ha*);

- Huyện Tam Đường: 07 công trình, dự án với diện tích 3,84 ha (*đất trồng lúa 3,84 ha*);

- Huyện Tân Uyên: 07 công trình, dự án với diện tích 2,39 ha (*đất trồng lúa 2,39 ha*);

- Huyện Than Uyên: 03 công trình, dự án với diện tích 1,08 ha (*đất trồng lúa 1,08 ha*);

- Huyện Phong Thổ: 04 công trình, dự án với diện tích 5,98 ha (*đất trồng lúa 0,57 ha, đất rừng phòng hộ 5,41 ha*);

- Huyện Sìn Hồ: 05 công trình, dự án với diện tích 12,27 ha (*đất trồng lúa 6,55 ha, đất rừng phòng hộ 5,72 ha*);

- Huyện Nậm Nhùn: 01 công trình, dự án với diện tích 7,83 ha (*đất rừng phòng hộ 7,83 ha*);

- Dự án thuộc các huyện, thành phố: 01 công trình, dự án với diện tích 0,20 ha (*đất trồng lúa 0,20 ha*).

(Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo)

1.3. Lý do: Trong tổng số 109 công trình, dự án thu hồi đất và 65 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất, có 64/109 công trình, dự án phải thu hồi đất và 36/65 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022, đủ điều kiện tổng hợp theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và điểm đ khoản 6 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; khoản 6 Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày

12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm b khoản 1 Điều 5b Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được đính chính tại Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021).

Còn lại 45/109 công trình, dự án phải thu hồi đất và 29/65 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022, đến thời điểm này (tháng 11/2021) chưa được bố trí kế hoạch vốn; tuy nhiên, theo đề xuất của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Chủ đầu tư, để đảm bảo công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho phép bổ sung các công trình, dự án này vào danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022. Vì một số công trình, dự án không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang đề xuất Chính phủ tách nội dung bồi thường, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư theo Công văn số 7073/BKHĐT-TH ngày 15/10/2021 và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thành phố cũng đang dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 cho từng công trình, dự án này để trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021.

* Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình này gồm: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua để có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải